

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

DI SẢN VĂN HÓA HUẾ VỚI 15 NĂM HỘI NHẬP

Phùng Phú, Phan Thanh Hải*

LTS: Nhân ngày Di sản Văn hóa Việt Nam (23/11) năm nay, nhiều hoạt động kỷ niệm 15 năm Quần thể di tích Cố đô Huế và 5 năm Nhã nhạc cung đình Việt Nam được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới, sẽ được tổ chức trọng thể tại Huế và Hà Nội. Nhân dịp này, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* mời bạn đọc cùng nhìn lại những nỗ lực không ngừng của tỉnh Thừa Thiên Huế, của chính phủ Việt Nam và cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế suốt chặng đường 15 năm qua.

1. Đặt vấn đề

Cách đây đúng 15 năm, vào ngày 11 tháng 12 năm 1993, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO đã chính thức công nhận và ghi tên Quần thể di tích cố đô Huế vào Danh mục Di sản Thế giới. Sự tôn vinh đặc biệt này cũng là sự kiện đánh dấu sự hội nhập của di sản văn hóa Huế, một trong những di sản văn hóa tiêu biểu nhất của Việt Nam, với thế giới. Từ thời điểm đó, Huế đã trở thành niềm tự hào Việt Nam, niềm tự hào của mỗi người Huế. Nhưng cũng từ đó, cùng với những vận hội mới, Huế đã phải đối diện với những thử thách to lớn của quá trình hội nhập. Công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế - Di sản văn hóa thế giới đầu tiên của Việt Nam trong suốt 15 năm qua đã để lại nhiều bài học quý giá trên nhiều phương diện. Bởi vậy, một sự tổng kết đánh giá toàn diện về quá trình trên là hết sức cần thiết. Bài viết dưới đây chỉ là một sự đánh giá dưới góc độ của những người làm công tác bảo tồn.

2. Bảo tồn di sản Huế qua 15 năm: Thành tựu và bài học

2.1. Những thành tựu đạt được

Để đánh giá đúng kết quả của quá trình bảo tồn di sản Huế trong 15 năm qua, cần có một cái nhìn lịch sử, xuyên suốt cả những giai đoạn trước đó. Bởi thực ra, sự kiện ngày 11/12/1993 chỉ là sự đánh dấu kết quả của một quá trình nỗ lực to lớn nhằm bảo tồn di sản văn hóa Huế của Chính phủ Việt Nam, chính quyền địa phương cùng cộng đồng quốc tế, trong đó đóng vai trò nổi bật là UNESCO.

Mãi đến đầu những năm 80 của thế kỷ trước, di sản Huế ở trong tình trạng hết sức bi đát do sự tàn phá của chiến tranh, của môi trường tự nhiên và của cả ý thức con người. Năm 1981, trong Lời kêu gọi cứu vãn di sản văn hóa Huế tại Hà Nội, Ngài M' Bow, Tổng giám đốc UNESCO lúc bấy giờ đã cho rằng, di sản Huế đang ở trong tình trạng lâm nguy, đang đứng bên vực

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

thảm của sự diệt vong và sự quên lãng..., và chỉ có “một sự cứu nguy khẩn cấp” với nỗ lực của Chính phủ Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế thì mới có thể giúp Huế thoát ra khỏi tình trạng trên. Hơn một thập niên tiếp theo là khoảng thời gian chứng kiến sự chuyển biến tích cực trong việc gìn giữ, bảo tồn di sản Huế. Điều quan trọng là quan điểm về di sản Huế đã dần dần thay đổi trong nhận thức của rất nhiều người. Quần thể di tích cố đô đã được giao cho Công ty Quản lý Di tích và Danh thắng Huế (từ tháng 5/1992 đổi thành Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế) trực tiếp quản lý. Cho đến năm 1991, hầu hết các di tích quan trọng đã được lập hồ sơ khoanh vùng bảo vệ (căn cứ theo Pháp lệnh Bảo vệ di tích năm 1984) và đã được các ban ngành liên quan từ trung ương đến cơ sở thừa nhận. Trên cơ sở đó, trong năm 1992, một bộ hồ sơ khoa học mang tính tổng thể về di tích cố đô Huế đã được thiết lập và được đệ trình lên Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO.

Sau khi Quần thể di tích cố đô Huế được vinh danh là Di sản Thế giới, điều quan trọng nhất với Huế lúc đó là xây dựng được một chiến lược phù hợp để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đã được thừa nhận. Và chiến lược đó đã được thể hiện một cách cụ thể bằng dự án “*Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996-2010*” do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế phối hợp với các ban ngành liên quan xây dựng và đề xuất. Dự án này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng Quyết định 105/TTg ngày 12/2/1996. Sau đó, lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những nghị quyết kịp thời để triển khai thực hiện.⁽¹⁾

Mục tiêu cơ bản và dài hạn của dự án “*Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996-2010*” thể hiện trên cả hai phương diện:

- Bảo tồn di sản văn hóa cố đô Huế.

- Phát huy mọi giá trị quý giá của di sản văn hoá cố đô Huế bao gồm giá trị di sản văn hóa vật chất, giá trị di sản văn hóa tinh thần và giá trị di sản văn hóa môi trường cảnh quan đô thị và thiên nhiên trong việc giáo dục giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Còn mục tiêu ngắn hạn, cụ thể là:

- Xác định ranh giới, phạm vi và đối tượng nghiên cứu bảo tồn và khai thác.

- Lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo hệ thống các di tích cố đô Huế trong quy hoạch tổng thể thành phố Huế những năm trước mắt và lâu dài.

- Xác định nội dung đầu tư từng giai đoạn tu bổ kết hợp với tôn tạo và khai thác di tích cả về mặt văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và cảnh quan môi trường.

- Xác định tổng mức đầu tư là 720 tỷ đồng và chia làm 3 giai đoạn:

- + Giai đoạn I (1996-2000) với tổng mức đầu tư 120 tỷ VNĐ.

- + Giai đoạn II (2001-2005) với tổng mức đầu tư 200 tỷ VNĐ.

+ Giai đoạn III (2006-2010) với tổng mức đầu tư 400 tỷ VNĐ.

Có thể nói rằng, việc đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 105TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ bản chính là sự đánh giá công cuộc bảo tồn di sản văn hóa Huế trong 15 năm qua.

- **Về công tác bảo tồn, trùng tu di tích:** Đây là một trong những hoạt động cơ bản nhất của công tác bảo tồn di sản Huế trong 15 năm qua, cũng là lĩnh vực được đầu tư lớn nhất về kinh phí và chất xám.⁽²⁾ Những thành tựu chính trên lĩnh vực này là:

+ Hầu hết các di tích đều được bảo quản cấp thiết, bằng các biện pháp chống dột, chống sập, chống mối mọt, chống cây cỏ xâm thực, gia cố và thay thế các bộ phận bị lão hóa..., nhờ vậy mà trong điều kiện thiên tai khắc nghiệt xảy ra liên tiếp, các di tích vẫn được bảo tồn và kéo dài tuổi thọ.

+ Một số công trình tiêu biểu đã được trùng tu gồm: Ngọ Môn, điện Thái Hòa, Hiển Lâm Các, cụm di tích Thế Miếu, cung Diên Thọ, Duyệt Thị Đường, cung Trường Sanh, hệ thống Trường lang (Cấm Thành), Minh Lâu, điện Sùng Ân, Hữu Tùng Tự, Bi Đình (lăng Minh Mạng), điện Hòa Khiêm, Minh Khiêm Đường, Ôn Khiêm Điện, (lăng Tự Đức), Thiên Định Cung, Bi Đình (lăng Khải định), chùa Thiên Mụ, cung An Định, các cổng Kinh Thành...

+ Cơ sở hạ tầng các khu di tích như hệ thống đường, điện chiếu sáng khu vực Đại Nội, Quảng trường Ngọ Môn - Kỳ Đài; điện, đường đến các lăng Tự Đức, Khải Định, Minh Mạng đã được đầu tư, nâng cấp. Hệ thống sân vườn các di tích Hưng Miếu, Thế Miếu, cung Diên Thọ, cung An Định... được tu bổ hoàn nguyên.

Điều quan trọng là, các di tích đã được tu bổ đều đảm bảo các nguyên tắc khoa học về bảo tồn của quốc gia và thỏa mãn các điều luật của Hiến chương, Công ước quốc tế mà Chính phủ ta đã thừa nhận, được các nhà khoa học trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Cũng chính qua thực tiễn của công cuộc bảo tồn tôn tạo di tích Huế mà chúng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu và phong phú, đặc biệt đã nắm vững cả 2 mặt cốt yếu của phương pháp trùng tu khoa học. Đó là phương pháp luận khoa học và kỹ năng thực hiện. Vì vậy các hoạt động trùng tu đã đem lại những hiệu quả tích cực về mặt kinh tế và xã hội, góp phần quan trọng trong việc thu hút du khách đến Huế, tăng các nguồn doanh thu du lịch và dịch vụ, tạo ra sự quan tâm đặc biệt của các tầng lớp xã hội đối với di sản văn hóa truyền thống...⁽³⁾

- **Về công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể**

Các di sản văn hóa phi vật thể của Huế hết sức phong phú và đa dạng. Tại dự án *Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996-2010*, việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trên chủ yếu được xác định trong phạm vi văn hóa cung đình thời Nguyễn, gồm: Thơ văn Hán Nôm trên di tích, văn bia, thơ Ngự chế được trang trí ở các cung

điện, các hoa văn họa tiết trang trí mỹ thuật gắn liền với di tích kiến trúc, lễ nhạc cung đình, múa hát cung đình, lễ hội cung đình, tuồng Ngự, ca Huế...

Trong 15 năm qua, trên lĩnh vực này, Trung tâm đã tổ chức hàng chục công trình nghiên cứu khoa học, tổ chức biên soạn và xuất bản, tổ chức đào tạo nhân lực... Các kết quả chủ yếu bao gồm:

+ Tổ chức trên 10 cuộc hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế về chủ đề nghiên cứu, bảo tồn các tài sản văn hóa phi vật thể, như Hội thảo bảo tồn và phát huy giá trị tuồng cung đình Huế, Hội thảo bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hán Nôm Huế, Hội thảo bảo tồn âm nhạc cung đình Huế, Hội thảo tổng kết dự án bảo tồn Nhã nhạc cung đình Huế.

+ Tổ chức nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật và xuất bản hơn 20 công trình về di sản văn hóa Huế và công cuộc bảo tồn, trong đó có những công trình đoạt giải thưởng cao của trung ương và địa phương, như *Khoa cử và khoa bảng triều Nguyễn*, *Thần kinh nhị thập cảnh-Thơ vua Thiệu Trị*, *Kinh Thành Huế*, *Huế-Di sản văn hóa thế giới*, *Âm nhạc cung đình Huế*, *Tuồng cung đình Huế*, *Khảo cổ học tại di tích cố đô Huế (1999-2003)*, *Di sản văn hóa Huế-Nghiên cứu & bảo tồn*, *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế* (6 tập), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (10 tập)...

+ Tổ chức sưu tầm, nghiên cứu ứng dụng và bảo tồn được hàng chục tác phẩm âm nhạc cung đình quan trọng như 10 nhạc khúc trong lễ Tế Giao, 9 nhạc khúc trong tế Liệt Miếu, 5 nhạc khúc trong lễ Đoan Dương, Vạn Thọ và Tết Nguyên Đán, 37 nhạc khúc diễn tấu với dàn Tiểu nhạc, 10 nhạc khúc diễn tấu trong các đợt vua ngự, 14 nhạc khúc kèn dưng trong Đại nhạc... Sưu tầm nghiên cứu và dàn dựng thành công 15 điệu múa cung đình tiêu biểu như Trình tường tập khánh, Tứ linh, Nữ tướng xuất quân, Bát dật... Nghiên cứu dàn dựng 2 vở tuồng cung đình cổ và 25 trích đoạn tuồng phục vụ cho lễ hội và giao lưu văn hóa nghệ thuật...

Chính nhờ những nỗ lực trên mà tháng 11 năm 2003, UNESCO đã chính thức công nhận Nhã nhạc cung đình Huế là Kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Đây là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện tầm vóc và sự phong phú, toàn diện của di sản văn hóa Huế trên cả hai lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể.

+ Nghiên cứu phục hồi một số lễ hội cung đình quan trọng nhất của triều Nguyễn như lễ tế Nam Giao, lễ tế Xã Tắc, lễ Truyền lô-Vinh quy báỉ tổ (lễ vinh danh tiến sĩ dưới thời Nguyễn), lễ hội thi tiến sĩ Võ...

+ Đặc biệt là trong các dịp lễ hội Festival Huế, các loại hình nghệ thuật cung đình, bao gồm cả lễ hội, âm nhạc, nghệ thuật thư pháp, nghệ thuật ẩm thực, trò chơi... đã thực sự đóng vai trò trung tâm, trở thành đại diện tiêu biểu của văn hóa Huế trong sự đối thoại, giao lưu với bạn bè quốc tế.

- Về công tác bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường các khu di sản

Nằm trong lòng của “một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị”, phần lớn các di tích của Huế đều là những kiến trúc nghệ thuật được bố trí hài hòa

với thiên nhiên trong những không gian rất rộng lớn. Cũng chính vì thế mà việc bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường các khu di tích gặp không ít khó khăn. Thêm vào đó, số lượng dân cư sống trong các khu vực bảo vệ di tích rất lớn, chiếm xấp xỉ 1/2 dân số thành phố. Vì vậy, mọi hoạt động liên quan đến bảo vệ di tích đều có ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống của người dân và nhu cầu phát triển.⁽⁴⁾

Trong những năm qua, phần lớn các di tích chính đã được đầu tư tu bổ và tôn tạo hệ thống sân vườn, cảnh quan và trồng cây bổ sung ở các khu vực đệm. Trung tâm BTDTCD Huế đã thành lập một Đội Tôn tạo cảnh quan di tích với hơn 70 người chuyên làm công tác vệ sinh môi trường, gây dựng và trồng mới cây xanh, hoa kiểng, nghiên cứu tôn tạo môi trường cảnh quan. Chính công việc đó đã làm thu hẹp không gian hoang phế, từng bước trả lại các giá trị cảnh quan vốn có của cố đô, mang lại sinh khí cho di tích, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần quan trọng trong việc giao lưu và hợp tác văn hóa trong nước và quốc tế.⁽⁵⁾

Bên cạnh đó, việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và các trục đường ở thành phố Huế đã được quan tâm, nhất là các trục đường trong Kinh Thành, đường đến một số điểm di tích. Đặc biệt là việc chỉnh trang, tôn tạo hai bên bờ sông Hương, nạo vét sông Ngự Hà và tu bổ kè Hộ Thành Hào đã tạo điều kiện để phát triển dân sinh và chỉnh trang đô thị. Việc giải tỏa gần 300 hộ dân ở khu vực Bến Me và Hộ Thành Hào, hơn 50 hộ dân ở mặt nam Thượng thành, hàng chục hộ dân ở đàn Xã Tắc, Võ Miếu... với kinh phí hàng chục tỷ đồng, phần nào trả lại cảnh quan cho mặt nam Kinh Thành Huế.

- Về lĩnh vực hợp tác quốc tế, ứng dụng thành tựu khoa học bảo tồn và đào tạo nguồn nhân lực

Đây cũng là một trong những lĩnh vực hoạt động đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Trong 15 năm qua, đã có hơn 25 tổ chức quốc tế, hàng chục các viện, trường đại học, ban ngành trong nước tiến hành các hoạt động hợp tác nghiên cứu bảo tồn di sản Huế cả trên lĩnh vực văn hóa vật thể, phi vật thể và cảnh quan môi trường.

Với các tổ chức quốc tế, Huế đã có sự hợp tác với UNESCO, Nhật Bản (Quỹ Toyota, Quỹ Japan Foundation, Trường Đại học Nữ Sowa, Đại học Nihon, Đại học Waseda...), Ba Lan, Canada, Pháp, Anh, Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức, Thái Lan, Bỉ, Hàn Quốc, Hà Lan... thực hiện hàng chục dự án trùng tu, nghiên cứu bảo tồn và đào tạo nguồn nhân lực hết sức có ý nghĩa (xem bảng Phụ lục 1). Nổi bật trong đó là dự án hợp tác nghiên cứu kiến trúc truyền thống Huế và phục hồi điện Cần Chánh (phối hợp với Đại học Waseda) đã thực hiện được gần 14 năm (1994-2008) với nguồn kinh phí được đầu tư ngày càng lớn và bước đầu đạt nhiều kết quả tốt.

Huế cũng đã có mối quan hệ hợp tác rộng rãi với nhiều đơn vị, bộ ngành trong nước để thực hiện các dự án quy hoạch, bảo tồn và đào tạo nhân lực;

tiêu biểu như Đại học Huế, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Viện Bảo tồn Di tích, Công ty Tu bổ Di tích Trung ương, Viện Âm nhạc Việt Nam, Nhạc viện Hà Nội, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học...

Chính qua các dự án hợp tác nói trên mà đội ngũ cán bộ, chuyên viên, nghệ sĩ của Trung tâm Bảo tồn Di tích Huế đã được đào tạo, trau dồi kiến thức thường xuyên và không ngừng trưởng thành.

- Về công tác phát huy giá trị di sản

Khai thác và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể di tích cố đô Huế là giải pháp tốt nhất để bảo tồn di tích, làm cho di tích sống, hòa vào cuộc sống của xã hội đương đại, có tác dụng giáo dục và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế, tạo nguồn sinh lợi để bảo tồn di tích. Đặc biệt là đầu tư tu bổ để phát triển ngành công nghiệp du lịch và các loại dịch vụ, tạo cơ sở để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Việc khai thác hợp lý làm cho di tích thoát khỏi sự lãng quên mà Luật Di sản Văn hóa đã chỉ rõ là hướng đến xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Phát triển du lịch là xu thế tất yếu của xứ sở giàu di sản văn hóa này.

Đây cũng là lĩnh vực thể hiện kết quả trực tiếp của công tác bảo tồn di sản. Nhờ những thành tựu của công tác bảo tồn mà di sản văn hóa Huế đã được quảng bá hình ảnh rộng rãi trên toàn thế giới, tạo nên sức hút to lớn của Huế đối với du khách thập phương. Ngành du lịch-dịch vụ của tỉnh trong 15 năm qua đã có những bước phát triển nhanh chóng và thực sự đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thừa Thiên Huế. Riêng tại khu di tích Huế, doanh thu trực tiếp từ năm 1996 đến năm 2008 đã đạt 427,8 tỷ đồng (Xem Phụ lục 2). Chính nguồn thu này đã góp phần rất quan trọng trong việc tái đầu tư cho hoạt động bảo tồn di sản.

Việc khai thác và phát huy giá trị di sản cũng đã tạo điều kiện cho công tác phục hồi các ngành nghề thủ công, các nghi lễ và nghệ thuật truyền thống. Các nghề đúc đồng, sơn thếp, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, làm điều Huế, may áo dài, chằm nón lá, làm kẹo mè xừng, tôm chua, nghệ thuật ẩm thực, ca Huế... đã có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ để đáp ứng các nhu cầu của ngành du lịch.

Với những thành tựu to lớn đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực trên, những người làm công tác bảo tồn cũng đã nhận được nhiều phần thưởng xứng đáng.

Trên bình diện quốc tế, Huế được UNESCO chính thức công nhận đã vượt qua “giai đoạn cứu nguy khẩn cấp” để bước vào “thời kỳ ổn định và phát triển”. Và liên tục từ năm 2004 đến nay, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO đều có thông điệp ca ngợi những thành tựu xuất sắc trên phương diện trùng tu di tích, bảo tồn di sản của Huế.



Các chuyên gia Hàn Quốc đo vẽ diện Thái Hòa bằng công nghệ kỹ thuật số để phục vụ việc trùng tu, tôn tạo di tích Huế

Lễ khánh thành công trình trùng tu chùa Thiên Mụ năm 2007.



Ông Phùng Phú (trái), Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di tích Huế nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.

Ở trong nước, Trung tâm BTDTCD Huế đã nhận được nhiều huân chương, bằng khen của Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Văn hóa-Thông tin... trao tặng. Riêng lĩnh vực khoa học công nghệ, Trung tâm cũng đã được trao 02 Giải A Giải thưởng Cố đô về khoa học công nghệ cho 02 bộ Hồ sơ khoa học công nhận danh hiệu Di sản văn hóa thế giới cho Quần thể di tích cố đô và Nhã nhạc; Giải Vàng Sách hay toàn quốc năm 2006 cho bộ sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*...

2.2. Những vấn đề tồn tại và bài học kinh nghiệm

- Những tồn tại, bất cập

Thực tiễn 15 năm qua cho thấy, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế vẫn còn không ít tồn tại, bất cập.

Mặc dù đã có sự quan tâm rất lớn của Chính phủ cũng như các bộ, ngành ở trung ương và sự nỗ lực không ngừng của địa phương nhưng do quy mô của quần thể di tích Huế rất lớn, tính chất các loại hình di sản lại hết sức phong phú, đa dạng nên sự đầu tư hoàn toàn chưa tương xứng với nhu cầu của công tác bảo tồn. Thêm nữa, do tính đặc thù của công tác trùng tu di tích cần nhiều thời gian cho giai đoạn thám sát, khảo cổ lập dự án và thực hiện trùng tu tôn tạo nên thời gian thực hiện dự án cũng cần được điều chỉnh. Cụ thể, những bất cập đó là:

+ Mức đầu tư theo yêu cầu đề ra trong Quyết định 105/TTg phải đạt từ 60 đến 100 tỷ đồng/năm nhưng thực tế những năm qua chỉ đạt ở mức 25-50 tỷ đồng/năm (kể tất cả các nguồn vốn).

+ Công tác bảo tồn tu bổ di tích nói chung và di tích Huế nói riêng mang nhiều tính đặc thù, mặc dù đã có sự điều chỉnh nhưng đến nay cơ chế chưa được giải quyết đồng bộ và phù hợp. Quần thể di tích cố đô Huế rất lớn và đa dạng nhưng đến nay cơ chế, chính sách dành cho nó vẫn chưa rõ, chưa có những chính sách đặc thù dành cho một khu di tích đặc biệt (chính sách bảo vệ hệ thống nhà vườn, các quy định riêng về bảo tồn và trùng tu di tích Huế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, chính sách với nghệ nhân, ưu đãi về vốn, về tín dụng...).

+ Lực lượng tư vấn lập dự án, thiết kế và thi công tu bổ di tích còn thiếu và chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao, các vật tư đặc chủng như gỗ tứ thiết, sơn ta, gạch, ngói men, vàng quỳ, nghệ nhân càng ngày càng khan hiếm.

+ Giải quyết vấn đề bảo tồn và phát triển ở Huế hiện nay gặp rất nhiều khó khăn do Huế là một thành phố văn hóa lịch sử, hệ thống di tích vô cùng phong phú và phân bố trên diện rộng, công tác bảo tồn phải phù hợp để không níu kéo sự phát triển và ngược lại sự phát triển phải không làm mất đi các di tích cũng như phá vỡ các giá trị truyền thống.

+ Vấn đề phân công, phân cấp quản lý di tích vẫn còn nhiều bất cập. Nhiều di tích quan trọng như lầu Tàng Thơ, phủ Nội Vụ, Lục Bộ, Mang Cá...

chưa được sử dụng hợp lý. Nhiều tư liệu lịch sử liên quan và có nguồn gốc từ Huế nhưng đã bị thất thoát hoặc hiện không lưu trữ ở Huế gây khó khăn lớn cho công tác nghiên cứu, tham quan và lập các dự án bảo tồn.

+ Quy hoạch đô thị chưa đáp ứng được nhu cầu của công tác bảo tồn di sản. Thiếu quy hoạch tổng thể và chi tiết đã dẫn đến tình trạng phát triển tùy tiện, ảnh hưởng đến các khu vực bảo tồn. Sự phối hợp giữa các ban ngành có trách nhiệm chưa đồng bộ, khiến các dự án bảo tồn được triển khai chậm, thậm chí tạo nên những kẽ hở cho sự xâm phạm di tích.

+ Tình trạng lấn chiếm, vi phạm tại nhiều khu di tích Huế vẫn diễn ra ngày càng phức tạp. Công tác giải tỏa di dời dân cư trong khu vực bảo vệ I của di tích diễn ra chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra. Bản thân dự án đã được Quyết định 105/TTg phê duyệt cũng chưa tính đến nguồn kinh phí đền bù giải tỏa dân cư trong vùng di tích.

Nhận thức rõ những tồn tại, bất cập trên, sau 10 năm thực hiện dự án, tỉnh Thừa Thiên Huế đã đề xuất với các bộ, ngành và Chính phủ xin điều chỉnh nội dung dự án *“Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996-2010”*.

- Bài học kinh nghiệm

Qua việc tổng kết, đánh giá 15 năm bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế, Trung tâm BTDTCD Huế đã rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc.

+ Trên lĩnh vực bảo tồn, kinh nghiệm cho thấy công tác nghiên cứu khoa học, thẩm định các giá trị về lịch sử, kiến trúc, khảo cổ, mỹ học, nhân văn... phải đi trước một bước. Đây là công việc khảo cứu các giá trị thông tin lịch sử mà lãnh đạo Thừa Thiên Huế đã chỉ đạo Trung tâm BTDTCD Huế phối hợp với các chuyên gia trong và ngoài nước thực hiện một cách kiên trì, có chất lượng không chỉ bằng nghiên cứu khoa học mà cả bằng việc làm thực tế. Chính công tác này đã mang lại hiệu quả cao cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa Huế.

+ Về cơ cấu đầu tư phải đảm bảo sự cân đối trên 3 lĩnh vực: văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, cảnh quan thiên nhiên và môi trường đô thị. Việc khôi phục các ngành nghề thủ công mỹ nghệ, các loại hình văn hóa truyền thống, giữ gìn nét đặc trưng văn hóa và nếp sống của người dân Huế... có tầm quan trọng đặc biệt vì đó là những giá trị bền vững về văn hóa-lịch sử của vùng đất cố đô. Đó cũng là tiền đề để công cuộc tôn tạo, phát huy di sản văn hóa vật thể được thực hiện có bài bản, đảm bảo cho công tác xây dựng và quản lý đô thị đi dần vào nề nếp.

+ Công tác quản lý và công tác pháp lý cho khu di tích Huế cho thấy việc thực hiện quản lý toàn diện khá tốt về bảo tồn tài sản văn hóa kiến trúc, tài sản văn hóa động sản, tài sản văn hóa cảnh quan môi trường gắn liền với di tích; quản lý cán bộ... Đặc biệt, việc thực hiện tốt quản lý tài chính và quản

lý tu bổ đã mang lại hiệu quả cao. Chính nhân tố này tạo được sự ổn định và lòng tin nên cần được tiếp tục giúp đỡ, tạo điều kiện để tiếp tục phát huy trong thời gian đến.

+ Về định hướng đầu tư: Đối với di sản văn hóa Huế nên đầu tư trọng điểm, tập trung vào từng khu di tích để hoàn chỉnh dứt điểm cả công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng, cảnh quan sân vườn và trưng bày nội thất để sau khi đưa vào sử dụng sẽ tạo ra những chuyển biến mới và hiệu quả hơn.

+ Xã hội hóa công cuộc bảo tồn di sản văn hóa Huế trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch theo quy định của Nhà nước nhằm tạo điều kiện và môi trường cho các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế và cộng đồng cùng tham gia vào công cuộc bảo vệ di sản văn hóa Huế.

+ Sự lãnh đạo và giúp đỡ toàn diện của Chính phủ, của các bộ, ngành trung ương, của Đảng bộ, chính quyền Thừa Thiên Huế và sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành là nhân tố quan trọng quyết định thành công việc thực hiện Quyết định 105/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Giải quyết hợp lý và hài hòa mối quan hệ giữa quy hoạch bảo tồn, phục hồi cái cũ và xây dựng cái mới. Giải pháp này đã tạo được sự đồng tình trong nhân dân và cần có chính sách hợp lý để phát triển trong thời gian đến.

3. Những cơ hội mới và thách thức mới

3.1. Về những cơ hội

Cùng với sự hội nhập ngày càng toàn diện của đất nước đối với thế giới, sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa Huế cũng đang đứng trước những cơ hội mới cùng những thách thức mới.

Ngày 30/8/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 143/TTg phê duyệt đề án xây dựng Huế trở thành Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam. Và mới đây, ngày 12/8/2008, Thủ tướng Chính phủ lại có Quyết định 1085/TTg phê duyệt đề án xây dựng Huế thành một trong những trung tâm văn hóa-du lịch lớn của cả nước.

Hoạt động lễ hội Festival được tổ chức hàng năm (Festival quốc tế vào các năm chẵn, Festival nghệ truyền thống vào các năm lẻ) là cơ hội lớn để cố đô phô bày, trình diễn vẻ đẹp phong phú về văn hóa của mình. Và đây cũng chính là cơ hội để Huế kêu gọi sự hợp tác, đầu tư để bảo tồn và phát huy giá trị di sản truyền thống.

Những thành công trong quá trình hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để bảo tồn di sản trong những năm qua đã tạo nên uy tín và vị thế đặc biệt cho Huế. Cũng từ đó, các cơ hội hợp tác và đầu tư cho di sản Huế ngày càng được mở rộng. Chỉ tính riêng trong 2 năm 2006-2007, giá trị các dự án hợp tác quốc tế đầu tư cho công cuộc bảo tồn di sản Huế đã lớn hơn tổng toàn bộ giá trị các dự án của tất cả các năm trước đó.

Tại địa phương, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh: đưa du lịch, dịch vụ thành ngành kinh tế mũi nhọn; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch (sân bay, bến cảng, hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống khách sạn...); đầu tư phát triển một số ngành nghề thủ công truyền thống... cũng tạo cơ hội và điều kiện tốt để phát huy giá trị di sản.

Trong khu vực miền Trung, “Con đường di sản” với sự nối kết từ Hội An-Mỹ Sơn-Huế đến Phong Nha-Kẻ Bàng hay “Hành lang kinh tế Đông-Tây” kết nối từ Miến Điện-Thái Lan-Lào đến Việt Nam đã khiến khu vực này trở thành một trong những địa chỉ du lịch hấp dẫn nhất của Việt Nam.

3.2. Về những thách thức

Cùng với các cơ hội, những thách thức mới khi chúng ta hội nhập ngày càng lộ diện. Những thách thức đó đã thể hiện phần nào qua những tồn tại, bất cập đã nêu.

Trước hết, đó là khả năng đầu tư tương xứng để bảo tồn di sản Huế với một quần thể di tích đồ sộ, với những di sản văn hóa phi vật thể phong phú và với một môi trường cảnh quan rộng lớn gắn bó hữu cơ với đô thị Huế. Huế phải làm gì và làm như thế nào để có được những nguồn vốn đầu tư rất lớn ấy trong khi chủ yếu vẫn phải dựa vào nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước?

Thứ hai là cơ chế thế nào để quản lý, đầu tư và phát huy di sản Huế một cách hiệu quả nhất? Huế cần phải có một cơ chế đặc thù và hết sức linh hoạt thì mới có thể đáp ứng yêu cầu trên. Nhưng việc cải cách các thủ tục hành chính và thay đổi cơ chế xem ra không hề đơn giản!

Thứ ba là vấn đề nguồn nhân lực để đáp ứng cho công cuộc bảo tồn di sản Huế trong thời kỳ mới. Cho dù, trong những năm qua, Trung tâm BTĐTCĐ Huế đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn tham gia công tác bảo tồn tu bổ ngày càng phong phú và đa ngành bao gồm các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực: lịch sử, mỹ thuật, kiến trúc, âm nhạc, hóa chất bảo quản... đáp ứng được khá tốt công tác bảo tồn tu bổ di tích Huế; lực lượng tư vấn lập dự án, giám sát và thi công ngày càng phát triển. Tuy nhiên, lực lượng trên vẫn còn rất thiếu so với nhu cầu nếu Huế được đầu tư lớn hơn cho bảo tồn di sản.

Thứ tư là thách thức đến từ sự cạnh tranh giữa các khu di sản trong khu vực. Tại Miền Trung và Tây Nguyên đã có 6/7 Di sản Thế giới của Việt Nam (cả vật thể và phi vật thể). Vì vậy, mỗi khu di sản đều cố gắng khẳng định vai trò và vị thế của mình. Trên tầm rộng hơn, Huế và các di sản khác của Việt Nam phải cạnh tranh với các nước Đông Nam Á và Trung Quốc. Đó thực sự là những thách thức rất lớn.

Thứ năm là thách thức từ mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Đây là vấn đề trung tâm, là thách thức to lớn nhất đối với di sản Huế trong bối cảnh mới. Đây cũng là vấn đề mà UNESCO đã nhiều lần khuyến cáo Huế.



Lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế 2004:
Đoàn ngự đạo hồi cung về trước Ngọ Môn.



Nghiên cứu phục chế trang phục Nhã Nhạc

Để vượt qua thách thức này đòi hỏi phải có một sự nhận thức đúng đắn trong toàn thể cộng đồng về di sản Huế, đòi hỏi có một đường lối chiến lược đúng đắn cùng những sách lược linh hoạt của lãnh đạo địa phương, sự nỗ lực to lớn của đơn vị được trực tiếp giao phó việc quản lý khu di sản Huế, và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế cũng là một yêu cầu không thể thiếu trong bối cảnh hội nhập cùng thế giới.

* * *

Hiện tại, Trung tâm BTDTCD Huế đang có những hoạt động tích cực để nắm bắt các cơ hội và để vượt qua những thách thức của thời kỳ mới. Những nội dung đề nghị điều chỉnh Quyết định 105TTg đã hoàn thành và đệ trình lên Chính phủ xem xét, phê duyệt. Trung tâm cũng đang phối hợp với tổ chức Urban Solution (Hà Lan) tiến hành điều tra, khảo sát để xây dựng một Kế hoạch quản lý tổng thể cho khu di sản Huế. Trong tháng 11/2008, “Tuần lễ văn hóa Huế” sẽ được tổ chức trọng thể tại Hà Nội với nhiều nội dung phong phú nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh di sản Huế. Mở đầu cho tuần lễ văn hóa trên là một cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề: “Cơ hội và thách thức cho di sản Huế trong giai đoạn hội nhập và phát triển”. Hy vọng qua diễn đàn này, cùng với sự khẳng định những thành tựu trong bảo tồn, di sản Huế sẽ nhận được nhiều hơn những ý kiến bổ ích để chuẩn bị cho tương lai.

Huế, tháng 11/2008

P P - P T H

CHÚ THÍCH

- (1) Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIII, Nghị quyết số 06 - NQ/TV ngày 20/01/1998 và Nghị quyết 04 ngày 30/7/2001 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về việc tổ chức thực hiện dự án *Quy hoạch bảo tồn phát huy giá trị Di tích Cố đô Huế, giai đoạn 1996- 2010*.
- (2) Tổng kinh phí tu bổ trong 10 năm (1996-2005) trên lĩnh vực trùng tu và tôn tạo di tích cố đô Huế là 263,5/320 tỷ đồng (đạt 82,3% kế hoạch), trong đó:
 - + Ngân sách Trung ương: 128,1 tỷ đồng
 - + Ngân sách địa phương: 98,5 tỷ đồng
 - + Tài trợ quốc tế: 36,9 tỷ đồng
- (3) Có không ít công trình khi tu bổ xong đã phát huy tốt hiệu quả kinh tế, xã hội như Duyệt Thị Đường, Minh Khiêm Đường (nơi biểu diễn múa, hát, tuồng và các nhạc khúc cung đình phục vụ du khách), Quảng trường Ngọ Môn - Kỳ Đài. Các công trình hạ tầng Đại Nội và các lăng đã phục vụ tốt các lễ hội Festival cũng như cầu truyền hình trong các dịp lễ, Tết.
- (4) Xem thêm Phan Thanh Hải, “Cư dân trong vùng di tích: Lịch sử, hiện trạng và những ảnh hưởng đối với môi trường và chính sách phát triển của Thừa Thiên Huế”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (69). 2008.
- (5) Tính đến năm 2008, tại các khu di tích Huế có 30.000 cây hoa, 4.196 cây kiểng, hơn 26.600 cây xanh các loại và khoảng 70.000 con cá cảnh. Diện tích sân vườn được vệ sinh thường xuyên là 110.000m², diện tích thường xuyên được cắt cỏ là 250.000m² (Số liệu của Đội Tôn tạo cảnh quan, Trung tâm BTDTCD Huế, tháng 11/2008).

**PHỤ LỤC 1: CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC SỰ HỖ TRỢ
CỦA CÁC CHÍNH PHỦ VÀ TỔ CHỨC QUỐC TẾ
(GIAI ĐOẠN 1992 - 2008)**

STT	Tên chương trình	Năm	Cơ quan tài trợ và hợp tác	Kinh phí tài trợ
1	Trùng tu di tích Ngọ Môn	1992	Quỹ Ủy thác Nhật Bản thông qua UNESCO	100.000 USD (# 1.000.000.000 VNĐ)
2	Thiết bị cho kho cổ vật	1994	Toyota Foundation (Nhật Bản)	40.000 USD (# 400.000.000 VNĐ)
3	Văn Thánh	1995	Hội Người yêu Huế tại Paris	150.000 Fr. (# 325.500.000 VNĐ)
4	Trùng tu di tích Huế	1995	Chính phủ nước CHDCND Lào	400 m ³ gỗ (#2.200.000.000VNĐ)
5	Hữu Tùng Tự (Lăng Minh Mạng)	1996	Toyota Foundation và Japan Foundation (Nhật Bản)	20.000 USD+ 1.000.000 Yên (# 327.470.000 VNĐ)
6	Cửa Quảng Đức	1996	Hội Thương mại Việt - Mỹ ở Honolulu (Mỹ)	50.000 USD (# 645.000.000 VNĐ)
7	Làm mới ba án thờ các vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân (Thế Miếu)	1996	Đại sứ Anh và 10 công ty của Anh tại Việt Nam tài trợ	35.000 USD (# 385.000.000 VNĐ)
8	Thiết bị cho phòng vi tính	1996	UNESCO	10.000 USD (# 100.000.000 VNĐ)
9	Bảo quản và tư vấn kỹ thuật chống mối cho công trình Hiển Lâm Các (Đại Nội)	1996- 1997	Công ty Hóa chất Rhône Polenc, Pháp	1.000.000 USD
10	Minh Lâu (Lăng Minh Mạng)	1997- 1999	Ngân hàng American Express (Mỹ) thông qua Quỹ Di tích Thế giới WMF	80.000 USD (# 1.032.000.000VNĐ)
11	Thiết bị cho Phòng Hóa nghiệm	1997	Trung tâm Di sản Thế giới của UNESCO	467.301 Fr. (# 1.014.000.000VNĐ)
12	Hưng Miếu	1997	Thủ tướng Chính phủ Thái Lan	20.000 USD (# 220.000.000VNĐ)
13	Tu bổ các công trình bị hư hỏng do cơn lốc tháng 9/1997	1997	Trung tâm Di sản Thế giới của UNESCO	50.000 USD (# 650.000.000 VNĐ)
14	Thế Miếu	1997- 1998	Xử lý nợ giữa nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Ba Lan, với sự hợp tác của các chuyên gia Xí nghiệp Bảo tồn Tài sản Văn hóa Ba Lan (PKZ)	900.000 USD (# 9.372.000.000VNĐ)
15	Nhà bát giác phía đông (Đại Nội)	1998	Đại sứ Canada thông qua Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế CECI	10.000 USD (# 129.000.000 VNĐ)
16	Bia biển chỉ dẫn tham quan di tích (đợt 1)	1999	Đại sứ Canada thông qua Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế CECI	4.200 USD (# 54.500.000VNĐ)
17	Khắc phục hậu quả lũ lụt năm 1999	1999	UNESCO	40.000 USD
18	Tổ chức Hội thảo Bảo tồn và phát huy giá trị tưởng cung đình Huế	2000	Ford Foundation (Hoa Kỳ)	9.500 USD
19	Bi Đình (Lăng Minh Mạng)	2001- 2003	Quỹ Di tích Thế giới (World Monuments Fund)	50.000 USD

20	Bia biển chỉ dẫn tham quan di tích (đợt 2)	2001	Đại sứ Canada thông qua Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế CECI	12.040 USD
21	Duyệt Thị Đường	1998-2001	Chính phủ Pháp và các công ty của Pháp, EDF, CBC, PAIMBEUF ủy thác cho tổ chức CODEV Việt-Pháp	124.000 USD
22	Lập hồ sơ Nhã nhạc	2002	Quỹ Nhật Bản thông qua UNESCO	15.000 USD
23	Tu bổ, phục hồi tranh tường nội thất cung An Định-giai đoạn 1.	2003	Văn phòng Đối ngoại CHLB Đức thông qua ĐSQ Đức tại Hà Nội.	17.580 EURO
24	Phục hồi và phát huy giá trị Nhã nhạc	2005-2007	Quỹ Ủy thác Nhật Bản thông qua UNESCO	154.900 USD
25	Phối hợp nghiên cứu, đào tạo và bảo tồn tại khu di tích Huế	2005-2012	Viện Di sản thế giới UNESCO -Đại học Waseda, Nhật Bản	1.600.000 USD
26	Tu bổ, phục hồi tranh tường nội thất cung An Định-giai đoạn 2.	2005-2008	Bộ Ngoại giao Đức thông qua Hiệp hội Trao đổi Văn hóa Leibniz	355.000 EURO
27	Phối hợp nghiên cứu bảo tồn Võ Thánh, Văn Thánh và chùa Thiên Mụ, thiết lập hệ thống GIS về công viên khảo cổ di tích Huế	2007-2009	Đại học Bách khoa Marche, Ancona, Ý	80.000 EURO
28	Trùng tu tôn tạo di tích Hiển Đức Môn (Lăng Minh Mạng)	2008-2009	Quỹ Robert W. Wilson Challenge to Conserve Our Heritage thông qua tổ chức World Monuments Fund, Hoa Kỳ- Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	75.000 USD + 3.200.000.000 VND (# 194.000 USD)
29	Phục dựng khu Hoàng Thành Huế và Hồ Quyền bằng công nghệ kỹ thuật số 3D	2007-2009	Tổng cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn Quốc	# 200.000 USD
30	Xây dựng mạng lưới cộng đồng hỗ trợ bảo tồn khu vực di sản Huế	2008-2009	Hội đồng Vùng Nord Pas de Calais, Pháp	13.650 Euro
31	Xây dựng lộ trình chuẩn bị kế hoạch quản lý và chương trình xây dựng năng lực cho khu vực di sản Huế	2008-2009	Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan thông qua Công ty Tư vấn giải pháp đô thị Urban Solutions, Hà Lan	41.630 Euro

Ngoài ra, từ 1993 đến nay, Quỹ Toyota Nhật Bản còn tài trợ cho hơn 10 đề tài nghiên cứu khoa học của các cán bộ nghiên cứu thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế với kinh phí khoảng 100.000USD.

Tổng cộng nguồn ngân sách tài trợ giai đoạn 1992-2008 ước khoảng 6.000.000 USD

MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ DỰ ÁN XIN TÀI TRỢ VÀ HỢP TÁC SONG PHƯƠNG QUỐC TẾ DỰ KIẾN TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2008-2020

STT	Tên chương trình	Năm	Cơ quan tài trợ và hợp tác	Kinh phí tài trợ khái toán
1	Bảo tồn tu bổ di tích Hiển Đức Môn-Lăng Minh Mạng	2008-2009	Quỹ Di tích Thế giới-WMF, Hoa Kỳ	75.000 USD
2	Xây dựng hệ thống hỗ trợ và bảo tồn di sản trong cộng đồng ở khu vực Huế	2007-2009	Hội đồng Vùng Nord Pas de Calais, Pháp	14.000 EURO

3	Nghiên cứu bảo tồn cụm di tích Văn Miếu, Võ Miếu, chùa Thiên Mụ	2007-2010	Bộ Ngoại giao Cộng hòa Ý thông qua Đại học Bách khoa Marche-Ancona, Ý	200.000 USD
4	Hợp tác đào tạo nâng cao năng lực cán bộ bảo tàng, nghiên cứu và thuyết minh	2007-2008	Tỉnh Đông Flander, Bỉ thông qua UBQG UNESCO Việt Nam	20.000 EURO
5	Kế hoạch hành động về trao đổi hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hoá (6 mục liên quan đến di sản Huế về bảo tồn vật thể và phi vật thể, bảo tàng, nghiên cứu lịch sử, biểu diễn nghệ thuật)	2006-2008	Tổng cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc	300.000 USD
6	Thỏa thuận hợp tác trao đổi đào tạo và chuyên môn trong lĩnh vực bảo tồn bảo tàng giữa Cục Quốc gia Văn vật Trung Quốc và Cục Di sản Văn hóa Việt Nam (có một số hoạt động liên quan đến di tích Huế)	2006-2008	Cục Quốc gia Văn vật Trung Quốc	100.000 USD
7	Lập chương trình quản lý tổng thể di sản Huế qua GIS	2008-2009	Quỹ Di sản Thế giới của UNESCO	40.000 USD
8	Trồng tu và sử dụng tái thích nghi di tích lầu Tứ Phương Vô Sự (Đại Nội)	2008-2010	Quỹ Di tích Thế giới-WMF, Hoa Kỳ	150.000 USD
9	Nâng cao năng lực quản lý khu di sản mở rộng cho cán bộ quản lý của Huế	2008	Chương trình Hỗ trợ Quốc tế thuộc Quỹ Di sản Thế giới của UNESCO	20.000 USD
10	Nghiên cứu quy hoạch cổ đô Huế lịch sử và phục hồi điện Cần Chánh	2008-2020	Nguồn ODA không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản thông qua Bộ Văn hóa-Khoa học-Công nghệ-Thể thao và Đại học Waseda	20.000.000 USD
11	Tăng cường khả năng đối phó với thiên tai và quản lý các di tích của khu di sản thế giới đã được UNESCO công nhận tại Huế	2010-2020	UNESCO và chính phủ một số nước do UNESCO kêu gọi	500.000 USD
12	Nghiên cứu biên soạn Cẩm nang về công tác bảo tồn tại Huế	2010-2015	ICOMOS, ICCROM hoặc Getty Fund	70.000 USD
13	Nâng cấp Phòng Hóa nghiệm của TTBTDTCH Huế để đa dạng hóa năng lực hoạt động của cơ quan	2010-2020	Đại học Waseda và Quỹ Tài trợ Văn hóa Nhật Bản	400.000 USD
14	Đào tạo về khảo cổ, trang thiết bị và nâng cao trình độ quản lý Quần thể Di sản Văn hóa Thế giới Huế	2010-2015	Trung tâm Nghiên cứu EMEL và tỉnh Đông Flander (Bỉ), hoặc Hội đồng Văn hóa Châu Á (Asian Cultural Council), Hoa Kỳ	200.000 USD
15	Bảo tồn và phục hồi y phục cung đình tại Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế	2010-2015	Quỹ Bồ Đào Nha/ Getty Foundation	200.000 USD
16	Các chương trình đào tạo tại chỗ ở Huế và gửi cán bộ đào tạo ở nước ngoài về bảo tồn trùng tu và bảo tàng	2010-2015	Tổ chức ICCROM, Asia Cultural Council, Hoa Kỳ	80.000 USD
17	Nâng cấp hệ thống trưng bày và nhà trưng bày Bảo tàng MTCĐ Huế	2010-2020	Quỹ Tài trợ Văn hóa Nhật Bản	1.500.000 USD

Tổng cộng nguồn ngân sách tài trợ và hợp tác quốc tế giai đoạn 2008-2020 ước khoảng 24.000.000 USD.

PHỤ LỤC 2: NGUỒN THU VÉ THAM QUAN VÀ DỊCH VỤ TỪ 1996-2008

Năm	KH giao (Tỷ đồng)	Doanh thu sự nghiệp (Tỷ đồng)	Doanh thu các dịch vụ khác	Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	Đạt % kế hoạch
1996	13	16,131,998		16,131,998	124,09%
1997	16	16,582,008		16,582,008	103,64%
1998	18	16,623,000		16,623,000	103,89%
1999	16	16,303,208		16,303,208	101,09%
2000	18	19,701,841		19,701,841	109,45%
2001	18,6	25,067,000		25,067,000	134,77%
2002	25	34,376,000		34,376,000	137,50%
2003	33	28,738,000	462,000	29,200,000	88,85%
2004	35,661	42,490,000	1,710,000	44,200,000	123,95%
2005	44	46,961,000	2,078,000	49,039,000	111,45%
2006	52	56,470,728	4,140,769	60,611,497	116,56%
2007	56	70,641,767	5,345,921	75,987,688	135,69%
2008	73	65,000,000	4,000,000	69,000,000	
(Tính đến 1/10)					
Tổng cộng		410,086,550	17,736,690	427,823,240	

TÓM TẮT

Cách đây 15 năm, vào ngày 11/12/1993, Hội đồng di sản thế giới của UNESCO đã liệt Quần thể di tích Huế vào Danh sách các di sản thế giới. Sự thừa nhận đặc biệt này đã đưa di sản văn hóa Huế, di sản văn hoá tiêu biểu nhất của Việt Nam, đến với thế giới, và từ đó Huế đã trở thành niềm tự hào của Việt Nam và của mỗi con người Huế. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội mới, Huế cũng phải đối mặt những thách thức của thời hội nhập. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Huế, di sản thế giới đầu tiên của Việt Nam, đã đem lại những kinh nghiệm quý giá về nhiều mặt trong 15 năm qua. Bởi vậy, một sự đánh giá toàn diện về các hoạt động này là hết sức cần thiết. Bài viết này chỉ là một sự đánh giá trên góc độ của những người làm công tác bảo tồn, gồm:

1. Phần giới thiệu.
2. Công tác bảo tồn di sản Huế sau 15 năm: Các thành tựu và những bài học.
3. Những cơ hội mới và các thách thức.

ABSTRACT

HUẾ CULTURAL HERITAGE: 15 YEARS OF INTEGRATION

Fifteen years ago, on December 11, 1993, the World Heritage Committee of UNESCO had inscribed Huế Monument Complex on the List of the World Heritage. This special recognition also brought Huế Cultural Heritage, the most typical cultural heritage of Vietnam, to the world and Huế has become the pride of Vietnam as well as of each Hue people ever since. However, together with new opportunities, Huế is also in the face of the challenges in integration. The conservation and promotion of Huế cultural values-the first World Heritage of Vietnam, have been getting valuable experiences on various aspects during past 15 years. It is necessary to conclude the above process from the comprehensive evaluation. The following presentation only takes an aspect in the eyes of conservators into evaluation, including 3 parts:

1. Introduction.
2. The conservation of Huế Heritage after 15 years: Achievements and lessons.
3. New opportunities and challenges.